

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17-9-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Duy Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Quốc T, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Khu xxx, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Ánh N, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Khu xxx, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn S, xã T, huyện T2, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Quốc T trình bày:

Anh Vũ Quốc T và chị Bùi Ánh N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 15/10/2004. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Từ năm

2018 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con là Vũ Cảnh T, sinh ngày 20/8/20xx; Vũ Thị Hồng Ng, sinh ngày 23/10/20xx và Vũ Quỳnh N, sinh ngày 23/11/20xx. Hiện nay, các con T, Ng do anh nuôi dưỡng, con N do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao 02 con T, Ng cho anh nuôi dưỡng, giao con N cho chị N nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh xin tự giải quyết với chị N.

Về tài sản chung: Anh xin tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Bùi Ánh N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng. Nhưng chị N không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các hoạt động tố tụng theo yêu cầu Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Bùi Văn H (bố đẻ chị N), thì được biết: Chị Bùi Ánh N đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, nhưng do bận công việc nên chị N không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như: Không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quốc T: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Bùi Ánh N. Về con chung: Giao con Vũ Cảnh T, sinh ngày 20/8/20xx, Vũ Thị Hồng Ng, sinh ngày 23/10/20xx cho anh T nuôi dưỡng, giao con Vũ Quỳnh N, sinh ngày 23/11/20xx cho chị N nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh T xin tự giải quyết với chị N. Về tài sản chung: Anh T xin tự thỏa thuận với chị N nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Vũ Quốc T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Bùi Ánh N, hiện đang cư trú tại: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là chị Bùi Ánh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quốc T và chị Bùi Ánh N chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 15/10/2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, thì quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2018 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh T và chị N có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh T yêu cầu ly hôn chị N. Vì vậy, cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con là Vũ Cảnh T, sinh ngày 20/8/20xx; Vũ Thị Hồng Ng, sinh ngày 23/10/20xx và Vũ Quỳnh N, sinh ngày 23/11/20xx. Hiện nay, các con T, Ng do anh T nuôi dưỡng, con N do chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh T là hoàn T tự nguyện, anh T cũng có đủ điều kiện nuôi con; các cháu T, Ng cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao 02 con T, Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con N cho chị N nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con, anh T xin tự giải quyết với chị N nên để cho anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh T xin tự thỏa thuận với chị N nên không đặt ra đề giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Quốc T và chị Bùi Ánh N.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Vũ Cảnh T, sinh ngày 20/8/20xx và Vũ Thị Hồng Ng, sinh ngày 23/10/20xx; chị Bùi Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Quỳnh N, sinh ngày 23/11/20xx. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 17/9/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự giải quyết với nhau.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Quốc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0012152 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đường sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Chi**

